

PHỤ LỤC

**MỨC CHI, THỜI GIAN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ CHO CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI
VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Khối Thành phố	Khối Xã, phường, đặc khu	
1	Chi tổ chức hội nghị				
1.1	Chi tổ chức hội nghị		Thực hiện theo Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị sử dụng ngân sách địa phương		
1.2	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử		Thực hiện theo Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức		
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp				
2.1	<i>Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Tổ công tác phục vụ bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp</i>				
a	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	500,000	350,000	
b	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	200,000	140,000	
c	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	100,000	70,000	
2.2	<i>Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử</i>				
a	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	300,000	210,000	
b	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	200,000	140,000	
c	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	100,000	70,000	
3	<i>Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Tổ công tác phục vụ bầu cử; Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:</i>				
a	Trưởng đoàn giám sát	đồng/người/buổi	300,000	210,000	
b	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	đồng/người/buổi	200,000	140,000	
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:	đồng/người/buổi			
c1	<i>Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát (các thành viên tham dự và khách mời)</i>	đồng/người/buổi	150,000	105,000	
c2	<i>Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)</i>	đồng/người/buổi	100,000	70,000	
d	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:				
d1	<i>Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát</i>	đồng/báo cáo	5,000,000	3,500,000	
d2	<i>Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử</i>	đồng/báo cáo	7,000,000	4,900,000	
d3	<i>Xin ý kiến bằng văn bản của cá nhân, chuyên gia đối với báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát</i>	đồng/người/lần	200,000	140,000	Tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 1.000.000 đồng/người/văn bản
d4	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	đồng/báo cáo	1,000,000	700,000	
4	Chi xây dựng văn bản				
a	Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử		Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Khối Thành phố	Khối Xã, phường, đặc khu	
b	Chi xây dựng văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử (kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản)				
b1	<i>Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)</i>	<i>đồng/văn bản</i>	3,000,000	2,100,000	
b2	<i>Chi tham gia ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia</i>	<i>đồng/người/lần</i>	200,000	140,000	Tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 1.000.000 đồng/người/văn bản
5	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:				
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:				
a1	<i>Chủ tịch Ủy ban bầu cử các cấp</i>	<i>đồng/người/tháng</i>	3,300,000	2,310,000	Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời gian Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người có hiệu lực đến khi Ủy ban bầu cử các cấp kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt
a2	<i>Các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử các cấp, Thư ký Ủy ban bầu cử các cấp</i>	<i>đồng/người/tháng</i>	3,000,000	2,100,000	
a3	<i>Các ủy viên Ủy ban bầu cử các cấp; Tổ trưởng, Tổ phó các Tổ giúp việc, ủy viên của các tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử các cấp</i>	<i>đồng/người/tháng</i>	2,700,000	1,890,000	
b	Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử, không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát, phục vụ trực tiếp dân (thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày)	đồng/người/ngày	200,000	140,000	
c	Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt	đồng/người/tháng	3,000,000	2,100,000	Thời gian được hưởng hỗ trợ: Trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt
d	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử	đồng/người/ngày	300,000	210,000	Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt
6	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
a	Thành viên Ủy ban bầu cử, Tổ trưởng, Tổ phó các tổ giúp việc cho Ủy ban bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, thường trực giúp việc cho Giám đốc Sở Nội vụ	đồng/người/tháng	500,000	350,000	Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt
b	Trường hợp khác (được Chủ tịch Ủy ban bầu cử đồng ý bằng văn bản)	đồng/người/tháng	300,000	210,000	
7	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử:				
a	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	150,000	105,000	
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	100,000	70,000	
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	50,000	35,000	
8	Chi đóng hòm phiếu				
	Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa	đồng/hòm phiếu	500,000		
9	Chi khắc dấu				

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Khối Thành phố	Khối Xã, phường, đặc khu	
	Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí)	đồng/dấu	400,000		
10	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử				
	Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa	đồng/bảng	1,500,000		
11	Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan		
12	Chi công tác phục vụ tuyên truyền, in ấn		Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, giao nhiệm vụ		